TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HOÀ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hanh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 29 tháng 8 năm 2019.
V/v :"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Đặng Xuân Quân**.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1.Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**.
2.Ông **Trần Huy Trình**.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thoan** - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2019/TB-PT, ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn T,** sinh năm 1985.
Bị đơn: Chị **Phạm Thị H,** sinh năm 1992.
Đều có địa chỉ: khu 6, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Đặng Văn T trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Phạm Thị H kết hôn ngày: 15/12/2011 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung cùng Bố mẹ đẻ anh tại khu 6, xã Đ và làm ruộng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H tự ý đi làm ăn anh không đồng ý vì hiện tại các con anh còn nhỏ anh muốn chị H làm việc ở nhà để tiện chăm sóc các con nhưng chị H không đồng ý và tự ý đi làm không nói gì với anh. Anh và

gia đình đã khuyên bảo rất nhiều lần để chị H về chăm sóc con chung nhưng chị H không nghe và vẫn tiếp tục đi làm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

**Về con chung:* Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu: Đặng Thị Hương T, sinh ngày 14/4/2015 và cháu: Đặng Thị Bích H, sinh ngày 27/12/2012. Sau ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Hương T cùng anh.

**Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp:* Anh xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh T nhận nộp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị H không có mặt để làm việc. Tòa án xác minh tại địa phương, UBND Đ, huyện Hạ Hòa, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Ban tư pháp xã cho biết: Anh Tuân, chị Huyền, trong khoảng thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T làm ruộng tại địa phương, chị H đi làm ăn tự do không có mặt tại địa phương, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị H chỉ liên lạc điện thoại về gia đình để hỏi thăm các con, không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là cháu Đặng Thị Hương T, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Đặng Thị Bích H, sinh ngày 27/12/2012. Hiện hai cháu đang ở với anh T và Bố mẹ đẻ anh T tại khu 6, xã Đ. UBND xã Đ đã nhận được giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án triệu tập chị H đến giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa nhưng chị H đi làm không rõ địa chỉ. UBND xã Đ không giao được trực tiếp cho chị H các giấy tờ trên nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã Đ. UBND xã Đ đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và điều kiện thực tế của vợ chồng anh T, chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thông báo cho chị Phạm Thị H hợp lệ để có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 - BLTTDS, Tòa án

tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Đặng Văn T và chị Phạm Thị H kết hôn ngày: 15/12/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp, phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung cùng Bố mẹ đẻ anh T tại: khu 6 xã Đ và làm ruộng. Quá trình chung sống lúc đầu hòa thuận hạnh phúc đến tháng 2 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn chị H tự ý đi làm ăn mà không được sự đồng ý của anh T. Vợ chồng ai có cuộc sống riêng của người đó, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Tòa án đã thụ lý hồ sơ triệu tập các bên đương sự đến để tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T có mặt, chị H vắng mặt. Quá trình xác minh tại địa phương thì được biết: Tòa án đã triệu tập báo gọi nhiều lần các giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa Tòa án triệu tập chị H đến giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa nhưng chị H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Điều tra giải quyết xác minh tại địa phương nơi cư trú. Quan điểm của chính quyền địa phương, Hội liên hiệp phụ nữ; Ban tư pháp xã Đ cung cấp: Chị H thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về thăm các con và liên lạc bằng điện thoại về hỏi thăm các con. Qua những lần liên lạc bằng điện thoại về hỏi thăm con. Anh T đã thông báo cho chị H biết việc anh xin ly hôn chị H. Chị H đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của vợ chồng giải quyết cho anh T được ly hôn vắng mặt với chị vì chị cố tình không hợp tác làm việc. Căn cứ các quy định của pháp luật Tòa án xét xử cho anh T được ly hôn vắng mặt chị Huyền khi mở lại phiên tòa để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị H có hai con chung là cháu Đặng Thị Hương T, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Đặng Thị Bích H, sinh ngày 27/12/2012, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H đều cố tình không có mặt, nên sau ly hôn giao hai con chung cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên, chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho một cháu là cháu Đặng Thị Hương T theo quy định của pháp luật và theo quan điểm đề nghị của anh T là phù hợp với pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, cho vay chung công sức đóng góp*: anh T xác nhận không có không đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị H vắng mặt nếu sau này

có tranh chấp khi có mặt chị H đề nghị mà có căn cứ pháp luật thì Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:*

- Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị H phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quá trình thụ lý, trình tự giải quyết. Tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị tòa án xét xử cho anh T được ly hôn với chị H. Xử giao hai con chung của vợ chồng là cháu Đặng Thị Hương T, sinh ngày 14/4/2015 và cháu Đặng Thị Bích H, sinh ngày 27/12/2012 cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho một cháu là cháu Đặng Thị Hương T theo quy định của pháp luật và theo quan điểm đề nghị của anh T để đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn.

Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình , khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227**,** khoản 3 Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự , điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử: Cho anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị H.

+Về con chung:

Xử: Giao cho anh Đặng Văn T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Đặng Thị Hương T, sinh ngày: 14/4/2015 và cháu Đặng Thị Bích H, sinh ngày: 27/12/2012 kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi từng cháu thành niên. Chị Phạm Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho một cháu là cháu Đặng Thị Hương T theo từng tháng, một tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) kể từ tháng 8/2019 đến khi cháu T thành niên.

Anh T, chị H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

+Về tài sản chung, công nợ, cho vay chung công sức đóng góp: anh T xác nhận không có không yêu cầu đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị H vắng mặt

nếu sau này có tranh chấp khi có mặt chị H nếu có yêu cầu đề nghị có căn cứ pháp luật thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa theo biên lai thu số AA/2017/0001843 ngày 21/3/2019 (xác nhận đã nộp đủ).

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng tiền án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Tuân có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Huyền có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Xuân Quân